

Q326E068958
(MTTN26009600.10)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Trạm bơm Đạt Lý, Thôn 6 (cũ), Tổ dân phố 19,
Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 10h30 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009600 dated 19/06/2026
- Số lượng mẫu**
Quantity : **01**
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : **19/06/2026**
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : **19/06/2026 - 30/06/2026**
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : **Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)**

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlc@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlc@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (OIA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E068958
(MTIN26009600.10)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản ánh chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email address info@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.10)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- ^{HI}: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- ^(MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thảo luận về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (ViLAS 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068958
(MTTN26009600.09)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, ngã ba Đồng Tâm, Xã EaNa, tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 09h00 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 19/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của tài gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004), Cầu chì nếu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristic marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.09)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) (HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,0	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.09)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- ^{HT}: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT⁹⁾: Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của mỗi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chứa tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ th.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses th.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BQA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326L068958
(MTTN26009600.08)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Bể chứa Đài phát thanh, Tổ 6 Khối 11, Phường EaKao, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 08h30 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009600 dated 19/06/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the merely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 094). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 094). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E068958
(MT1N26009600.08)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,3	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,5	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản ánh chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (ĐoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.08)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT⁹⁾: Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email address dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068958
(MTTN26009600.07)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Trạm bơm EaNa, Buôn EaNa, Xã EaNa, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 08h00 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu**
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form*: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container*: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample*: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 19/06/2026*
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E068958
(MTTN26009600.07)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	0,7	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-ø)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-ø)
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,9	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-ø)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Ủy ban Công nhận Chất lượng (BQL) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.07)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MTth): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vier 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.27)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Trụ sở Đảng ủy UBMTTQ Việt Nam, 71 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 16h30 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009600 dated 19/06/2026
- Số lượng mẫu**
Quantity : **01**
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : **19/06/2026**
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : **19/06/2026 - 30/06/2026**
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : **Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)**

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E068958
(MTTN26009600.27)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(IT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.27)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPII: Không phát hiện / Not detected
- (MT⁻⁰): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Trạm y tế phường Tân Lập, 89 Nguyễn Lương Bằng,
Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 09h00 – 16/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*

- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*

- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*

- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*

- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 16/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 16/06/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 16/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 16/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mô rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E068958
(MTTN26009600.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	0,7	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT ⁻⁰)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT ⁻⁰)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPII	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT ⁻⁰)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội ghi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích van một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) is not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amđ 1:2016	< 1 (c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amđ 1:2016	< 1 (c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- III: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 16/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 16/06/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phủ bộ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA), Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068958
(MTTN26009600.25)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Trạm bơm Cupul, Km12, Quốc lộ 26, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 08h30 – 16/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 16/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009600 dated 16/06/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 16/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 16/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.25)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,9	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của đơn gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dt.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dt.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BnA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.25)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 16/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 16/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-Đ): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.24)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Trạm xử lý nước Hòa Thắng, Thôn 08, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 08h00 – 16/06/2026
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 16/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 16/06/2026
- Số lượng mẫu**
Quantity : **01**
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : **16/06/2026**
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : **16/06/2026 - 30/06/2026**
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : **Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)**

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.24)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,9	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPII	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của tài gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2; phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 or the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.24)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 16/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 16/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-D): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thử nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính là độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.48)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 77 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 10h50 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 19/06/2026
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E068958
(MTTN26009600.48)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPII	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,7	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses info@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited at conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.48)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- III: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPII: Không phát hiện / Not detected

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

✓

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội gói mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mà rộng được tính là độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viñas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viñas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068958
(MTTN26009600.47)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 33 A Majhao, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 16h00 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu**
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 19/06/2026*
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326F068958
(MTTN26009600.47)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hiếm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hiếm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hiếm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,1	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the samples submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.47)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- III: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency

- SMF/WW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mà rừng được trình từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nên không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.46)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 347 Hùng Vương, Phường Buôn Ma Thuột,
Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 15h30 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu**
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 19/06/2026*
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326L068958
(MTTN26009600.46)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,4	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the samples submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses info@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (PoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068958
(MTTN26009600.46)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

L

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mà vùng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thông tin về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.45)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Trường trung cấp nghề Đắk Lắk, 01 Đinh Tiên Hoàng, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 15h30 – 17/06/2026
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 17/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009600 dated 17/06/2026
- Số lượng mẫu**
Quantity : **01**
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : **17/06/2026**
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : **17/06/2026 - 30/06/2026**
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : **Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)**

TRƯỞNG PHÒNG MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản ánh chuỗi tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses info@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viên 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326L068958
(MTTN26009600.45)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) (HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,3	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT 0)
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,3	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses info@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.45)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 17/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 17/06/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency

- SMFWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- (e): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (DoA) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.44)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 99 Lý Thái Tổ, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 15h00 – 17/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 17/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 17/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 17/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 17/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E068958
(MTTN26009600.44)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu <i>The name of sampling method</i>	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa <i>Sampling for chemical analysis</i>	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh <i>Sampling for microbiological analysis</i>	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu độ khách hàng, gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted (sample(s) only), and this is not a certificate of product.

7. Tên miền, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của chủ sở hữu. (Name of company) and customer are written as customer's request

3. Độ không đảm bảo do mô hình lượng tử độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số như $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 %

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm KỸ thuật 3.

This Test Script shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quantos 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qianest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses chi.oi@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phương Thử nghiên cứu đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận

Q326E068958
(MTTN26009600.44)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- III: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 17/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 17/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.43)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, Hẻm 53 Y Moal, Phường Buôn Ma Thuột,
Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 13h30 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 19/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E068958
(MTTN26009600.43)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,8	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo do sai số được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viên 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.43)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- (MT 9): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- (e): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.42)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 139 Nguyễn Công Trứ, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 15h00 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009600 dated 19/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E068958
(MTTN26009600.42)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPII	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,1	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mà rộng được tính là độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated on the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được tích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited or conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.42)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- IT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.41)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân 52 Lê Duẩn, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 14h30 – 17/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 17/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 17/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 17/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 17/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mà rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phiếu báo chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses info@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Ủy ban Chứng nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (VHAS 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTIN26009600.41)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng ascn (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,1	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mô rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.41)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 17/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 17/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (M^{T-0}): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (ViLAS 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600,40)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 42 Trần Nhật Duật, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 13h00 – 17/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 17/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 17/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 17/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 17/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E068958
(MTTN26009600.40)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPII	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPII	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,9	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,9	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the merely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dhcs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dhcs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068958
(MTTN26009600.40)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 17/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 17/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT⁰⁾: Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiên này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlc@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlc@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited at conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.39)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Bể chứa Bùi Thị Xuân, 01 Bùi Thị Xuân, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 12h30 – 17/06/2026
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 17/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 17/06/2026
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : 17/06/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 17/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ mục được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068958
(MTTN26009600.39)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	1,0	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	PLCo	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,7	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT 0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPII	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được sinh từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dth.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dth.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

7. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

8. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.39)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 17/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 17/06/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thí nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.38)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Bể chứa Thăng Long, Đường Thăng Long, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 12h00 – 17/06/2026
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 17/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 17/06/2026
- Số lượng mẫu**
Quantity : **01**
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : **17/06/2026**
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : **17/06/2026 - 30/06/2026**
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : **Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)**

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICIE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (DoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E068958
(MTTN26009600.38)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,9	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao mặt phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 904). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 904). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.38)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 17/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 17/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT^o): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the timely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được tích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vieta 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.37)**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 172 Phạm Ngũ Lão, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 11h30 – 17/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 17/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 17/06/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 17/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 17/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB**Nguyễn Hoàng Linh****KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR****PHÓ GIÁM ĐỐC**
VICE DIRECTOR**Phan Thành Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the samples submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPII	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,2	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-9)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPII	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,3	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BQA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- ^{ITT}: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 17/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 17/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPII: Không phát hiện / Not detected
- ^(MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cau@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 210 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 11h00 – 17/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 17/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 17/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 17/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 17/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,4	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 17/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 17/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-D): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn trong ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 05 Hoàng Diệu, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 16h30 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009600 dated 19/06/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của tài gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viên 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068958
(MTTN26009600.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pII ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,1	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do môi trường được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn thân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 or the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited to conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristic marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT⁽⁰⁾): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (e): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

The Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds.vi@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds.vi@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Bể chứa Phan Chu Trinh, 371 Phan Chu Trinh,
Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 10h30 – 17/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 17/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009600 dated 17/06/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 17/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 17/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / **FOR DIRECTOR**

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and thus is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E068958
(MTTN26009600.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-9)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPII	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,0	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 001). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- III: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 17/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 17/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (e): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email address info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk, 339 Tôn Đức Thắng, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 14h30 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 19/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận (Chấp thuận) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết tắt 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	0,8	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,7	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiên này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3 Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4 Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5 Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ bộ theo địa chỉ ds.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6 Phòng Thử nghiệm đã được Ủy ban Công nhận (Chỉ lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 23 Nguyễn Kinh Chi, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 14h00 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009600 dated 19/06/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Vphòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E068958
(MTIN26009600.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPII	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,7	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlc@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlc@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068958
(MTTN26009600.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	SMEWW 9222B:2023	< 1 (c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	SMEWW 9222I:2023	< 1 (c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- IIT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPII: Không phát hiện / Not detected
- (MT⁰): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068958
(MITN26009600.54)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 51 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 11h50 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMITN26009600 dated 19/06/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the merely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written at customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QATEST 3 at the email addresses dh.cs@qatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viet 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E068958
(MTTN26009600.54)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	PLCo	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,9	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản ánh chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được tích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.54)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(e)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(e)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- ^{HT}: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT⁰): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (e): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vì sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mà phòng được tính ra độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản ánh tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.53)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước Tân An, Khối 8, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 11h20 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009600 ngày 19/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009600 dated 19/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được tái sản xuất một phần hoặc toàn bộ nội dung của báo cáo thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QATEST 3 at the email addresses: info@qatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BộA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068958
(MTTN26009600.53)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,9	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPHI	0,5	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326L068958
(MTTN26009600.53)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT^(a)): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn trong ống với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.